

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/DS-ST

Ngày 25 tháng 3 năm 2022

*“V/v tranh chấp hợp đồng dân sự về
phường”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Doanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Duy Thiều

2. Bà Phạm Thị Hương

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Gien Ny - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2021/TLST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2021 về *“Tranh chấp hợp đồng dân sự về phường”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXX-DS ngày 11/3/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đào Công T, sinh năm 1946

Nơi cư trú: thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: + Ông Nguyễn Hữu Th, sinh năm 1972

+ Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1974

Đều cư trú: thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Ông T có mặt; ông Th, bà D có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn Ông Đào Công T có yêu cầu khởi kiện và trình bày tại phiên tòa: Ông có tham gia 05 phường cùng ông Nguyễn Hữu Th, trong đó có 01 phường do ông Th làm chủ phường, 04 phường do ông làm chủ phường cụ thể như sau:

- Đối với phường do ông Nguyễn Hữu Th làm chủ phường: Vào năm 2016 ông cùng 27 người có vào phường tiền 2.000.000 đồng/người, phường do ông Nguyễn Hữu Th làm chủ phường, hình thức chơi phường mua 1 tháng 1 lần, mua không dưới 200.000 đồng. Phường đã có 15 người mua (trong đó có 1 xuất là của ông Th), còn lại 13 người chưa mua. Đến tháng 12/2017 ông Th bỏ phường thì ông cùng 12 người đã đến nhà ông Th đề nghị anh trả phường cho các ông. Ông Th đã đề nghị bốc số và có nói ai bốc được số nào thì 1 tháng sau mới lấy được tiền. Ông bốc được số thứ 5 vào tháng 4/2018 được lấy phường với tổng số tiền là 28.700.000 đồng (tương ứng với số tiền ông đóng cho 15 người đã lấy phường). Hiện ông Th đã trả 12 người còn 1 mình ông thì ông Th chưa trả đến nay vẫn nợ 28.700.000 đồng.

- Đối với 04 phường do ông làm chủ phường cụ thể như sau:

1. Phường xi măng thành lập ngày 10/10/2012 (âm lịch) do Ông Đào Công T làm chủ phường, có 13 người chơi, hình thức chơi phường mua, mỗi xuất phường 50 bao xi măng không chế mua không dưới 6 bao xi măng, một năm có 02 người lấy, ông Th lấy ngày 10/10/2015 với số tiền 34.000.000 đồng. Phường kết thúc ngày 16/10/2018 (âm lịch), ông Th đã đóng cho 11 người còn nợ 02 xuất phường tương ứng với 6.800.000 đồng, đối với số tiền này ông đã phải lấy tiền của gia đình ra trả 02 xuất phường, do đó ông Th nợ ông 6.800.000 đồng.

2. Phường tiền thành lập ngày 25/4/2015 (âm lịch) do Ông Đào Công T làm chủ phường, có 16 người chơi, hình thức chơi phường mua, mỗi xuất phường đóng 4.000.000 đồng, không chế mua không dưới 400.000 đồng, một năm có 4 lần lấy theo quý, ông Th chơi 3 suất phường (gồm suất của ông Th, bà Nguyễn Thị D và con Nguyễn Hữu Q) đã lấy vào các ngày: 29/4/2015 (âm lịch) ông Th nhận tiền 46.500.000 đồng; ngày 29/4/2016 (âm lịch) bà D nhận tiền 47.400.000 đồng và ngày 29/6/2017 (âm lịch) ông Th nhận tiền 56.990.000 đồng. Ông Th đã nộp cho 15 người chơi còn nợ 1 suất vào ngày 28/12/2018 âm lịch (ông Th phải đóng 3 suất phường) = 12.000.000 đồng. Số tiền 12.000.000 đồng này ông đã phải bỏ ra trả cho 1 người chơi, do đó ông Th, bà D nợ ông 12.000.000 đồng.

3. Phường tiền thành lập ngày 10/11/2016 (âm lịch) do Ông Đào Công T làm chủ phường, có 16 người chơi, hình thức chơi phường mua, mỗi xuất phường 5.000.000 đồng, không chế mua không dưới 500.000 đồng, một năm có 4 lần lấy theo quý, ông Th chơi 2 suất (gồm suất của ông Th và con Nguyễn Hữu Q). Ông Th đã lấy vào các ngày 15/11/2016 (âm lịch) số tiền 54.750.000 đồng; ngày 16/10/2018 (âm lịch) bà D nhận tiền) số tiền là 62.480.000 đồng. Ông Th đã nộp cho 9 người chơi, còn nợ 7 người vào các ngày 18/01/2019, 20/4/2019; 15/7/2019; 15/10/2019; 16/01/2020; 16/4/2020; 16/6/2020 (âm lịch) ông Th phải đóng 2 suất phường x 7 người x 5.000.000

là 109.520.000 đồng. Đồng thời buộc ông Th, bà D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Việc Ông Đào Công T khởi kiện ông Nguyễn Hữu Th và bà Nguyễn Thị D trả số tiền phường, hui còn nợ nên đây là vụ án tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn đang cư trú tại xã A, huyện Q nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Do ông Nguyễn Hữu Th và bà Nguyễn Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Th, bà D.

[2] Xét về nội Dung tranh chấp, Ông Đào Công T khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc ông Nguyễn Hữu Th và bà Nguyễn Thị D trả số tiền phường còn nợ là 109.520.000 đồng (trong đó có 28.700.000 đồng do ông Th làm chủ phường và 80.820.000 đồng do Ông T làm chủ phường). Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, Ông T đã cung cấp cho Tòa án 04 quyển sổ phường. Quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Hữu Th và bà Nguyễn Thị D xác nhận đối với phường do ông Th làm chủ thì ông Th, bà D còn nợ Ông T 28.700.000 đồng, đối với 04 phường do Ông T làm chủ thì ông Th, bà D xác nhận có nợ Ông T nhưng không nhớ nợ là bao nhiêu và xin trả dần Ông T. Bà D trình bày có nợ Ông T 109.520.000 đồng và đã trả 50.000.000 đồng, còn nợ Ông T là 59.520.000 đồng nhưng không có chứng cứ về việc đã trả Ông T 50.000.000 đồng, mỗi lần trả tiền phường Ông T thì ông Th, bà D chỉ đưa bằng tay không ký nhận vào sổ nộp phường do đó không có căn cứ để chấp nhận. Từ đó Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông Đào Công T; buộc ông Nguyễn Hữu Th và bà Nguyễn Thị D phải trả Ông T số tiền phường còn nợ là 109.520.000 đồng.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông Đào Công T được Tòa án chấp nhận nên ông Th và bà D phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn lại cho Ông T số tiền tạm ứng án phí 2.738.000 đồng mà Ông T đã nộp. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Nguyễn Quốc Doanh

